

SOCRATES VÀ TƯ TƯỞNG ĐỘC ĐÁO CỦA ÔNG

LÊ CÔNG SỰ^(*)

Socrates là hiện tượng đặc biệt trong lịch sử triết học, đặc biệt ở thành phần xuất thân, ở lối sống, phương thức sinh hoạt và ở phong cách tư duy. Ngay cả cái chết của ông cũng tạo nguồn cảm hứng cho thi ca và hội họa. Cái chết đó đã hóa thân vào sự tồn tại khác để tiếp tục cảm hóa lòng người bằng sự dũng cảm và lòng cao thượng của một nhà thông thái không bị khuất phục trước bất cứ một cám dỗ vật chất và thế lực cường quyền nào.

1. Socrates - Nhà thông thái của công lý, tự do và lòng cao thượng

Socrates sinh vào khoảng năm 470 và mất vào khoảng năm 399 Tr.CN - đây là giai đoạn hưng thịnh của thành phố Athens, do vậy ông có cơ hội tiếp thu một nền học vấn Hy Lạp cổ đại và sống trong một bầu không khí tranh luận học thuật sôi nổi. Thân phụ ông làm nghề dẻo đá, khắc tượng; Thân mẫu làm công việc đỡ đẻ, giúp những người phụ nữ trong giây phút vượt cạn hết sức gian nguy để cho ra đời những sinh linh mới. Nếu nghề của cha rèn luyện cho Socrates một sức khỏe dẻo dai, bàn tay khéo léo thì nghề của mẹ đã truyền cảm hứng cho ông để tạo nên một phương pháp tranh luận triết học - phương pháp biện chứng dựa trên sự mỉa mai và đỡ đẻ (xem thêm: 12, tr.87).

Thời trẻ, Socrates giao du rộng, gặp gỡ và tranh luận với đủ các loại người. Giống như những người có học khác ở Athens, Socrates say mê nghiên cứu quan điểm các trường phái triết học thịnh hành lúc bấy giờ. Vốn có một tư duy độc lập, không muốn suy nghĩ theo lối mòn truyền thống, ông đã nhanh chóng nhận thấy hai sai lầm cơ bản mà các triết gia đương thời mắc phải, đó là: 1) Họ chỉ phê bình, tranh luận lẫn nhau mà không hề chú ý tới phương pháp biện luận, cho nên không thể phân định đúng sai, phải trái. Trong lúc đó, việc phân định này là vô cùng quan trọng, quyết định tính mục đích và xác định tính chân lý của mọi cuộc tranh luận. 2) Họ chỉ chú trọng nghiên cứu những vấn đề vũ trụ luận, bản thể luận, nghĩa là đặt ra những vấn đề lý luận chung chung mà không để ý đến những vấn đề thực tiễn của cuộc sống đang đặt ra như thế nào là điều thiện, là công lý.

Theo cách nghĩ của Socrates, trong một xã hội tràn đầy những bất công đương thời, các câu hỏi cần phải giải đáp phải là: Lẽ phải là gì? Điều thiện là gì? Thế nào là công lý? Những câu hỏi này làm cho ông suy tư, trăn trở.

^(*) TS., Giảng viên Triết học, Đại học Hà Nội.

Socrates không chỉ đặc biệt trong lối sống, phương thức tư duy mà còn đặc biệt trong sự nghiệp triết học, ông chỉ đi thuyết pháp, tranh biện mà hầu như không đặt bút viết bất cứ điều gì. Những gì ngày nay chúng ta biết về con người và tư tưởng của ông đều thông qua các tác phẩm của ba triết gia sống cùng thời là Aristophanes, Plato và Xenophon, trong đó các tác phẩm của người học trò Plato đóng vai trò quan trọng. Từ những nguồn tài liệu quý giá này, chân dung triết gia Socrates xuất hiện như một bậc hiền tài với những nét chấm phá lột tả ông như một người giản dị, xuề xòa về ăn mặc, bình dân trong phong cách giao tiếp, dẻo dai về sức khỏe, nhanh nhạy và sắc sảo trong đối đáp, sống có tình và đặc biệt tôn trọng tính trung thực, chân thật. Aristophanes đã phác thảo chân dung Socrates với bước đi khệnh khạng, thích trêu chọc người khác. Còn Xenophon thì miêu tả ông như một chiến sĩ trung kiên say mê tranh luận về đạo đức và có biệt tài lôi cuốn giới trẻ. Với tư cách là một chiến sĩ tranh đấu cho tự do, và công lý, Socrates tin rằng, việc chăm lo cho linh hồn con người phải là mối quan tâm lớn nhất của một con người, do vậy ông dành nhiều thời gian để xem xét đời sống cá nhân mình và đời sống những người dân Athens.

Sự nghiệp triết học của Socrates bắt đầu từ một sự kiện dường như đã có sự an bài của định mệnh - đó là khi ông trạc tuổi trung niên, bạn ông là Chaerephon đã mạnh bạo đến ngôi đền Delphi ở Athens xin lời sấm để biết xem trong thiên hạ liệu có ai khôn hơn Socrates? Lập tức lời nữ thần tiên tri Phithia trả lời rằng không có ai khôn hơn Socrates. Khi nghe chuyện này

Socrates thật tình bối rối vì ông biết mình không phải là người khôn ngoan nhất. Socrates suy nghĩ và đặt câu hỏi: Vậy tại sao thần lại nói ông là người khôn ngoan hơn tất cả mọi người. Mà ngài lại là một vị thần, ngài không thể nói sai sự thật. Sau một hồi suy nghĩ, ông tìm ra phương pháp thử câu hỏi. Ông cho rằng, chỉ cần tìm ra một người khôn ngoan hơn ông là có thể chạy đến trước vị thần để bác bỏ lời sấm. Từ đó ông bắt đầu cuộc hành trình khắp Athens đi tìm một người khôn ngoan hơn mình như một lời tạ lỗi thánh thần.

Ông đã cất công tìm đến đủ mọi loại người, từ chính trị gia, triết gia, thi sĩ cho đến thương gia, thợ thủ công. Đi đến đâu, gặp ai, ông cũng đặt câu hỏi và tranh luận dựa trên thủ thuật chất vấn bằng cách liên tục đặt câu hỏi xem thử có phải người đó là người khôn ngoan nhất không. Việc làm này của ông vô tình đã xúc phạm đến lòng tự trọng của những người khác, làm cho số lượng người ghen ghét ông ngày càng tăng. Mọi việc cứ diễn ra như vậy trong suốt mấy chục năm trời, mãi đến khi Socrates gần 70 tuổi, người dân thành Athens quá ngán ngẩm với những triết lý của ông. Một công dân thành Athens có tên là Meletus đã viết đơn lên tòa án, buộc tội ông phải chịu trách nhiệm về tình trạng gieo rắc tư tưởng vô thần (bài xích thần linh, thay thượng đế của thành phố bằng thượng đế của mình), truyền bá tư tưởng tự do, lối sống phóng túng nên đã làm băng hoại và suy đồi đạo đức thanh niên.

2. Socrates tự biện trước tòa và cái chết bi tráng của ông

Socrates đã bị đưa ra trước một tòa án với đoàn bồi thẩm gồm 501 công dân thành Athens. Về lời tố cáo mang tính

vu oan này, Plato đã miêu tả qua lời đối thoại của Socrates với Euthyphro ở tiền sảnh công đường trước khi khai mạc phiên tòa. Socrates nói: “Hắn (Meletus) bảo là hắn biết được lý do tại sao thế hệ trẻ ngày nay đang bị hư hỏng, và ai đã gây ra cho tuổi trẻ hư hỏng như thế. Lời tố cáo của hắn rất lạ, mới nghe đã làm tôi phải ngạc nhiên. Hắn bảo rằng tôi là một nhà thơ, hay là kẻ tạo ra các thần thánh, thế mà tôi lại phát minh ra thần thánh mới, và từ chối sự hiện hữu của các thần thánh cũ, đây là cơ sở nền tảng của cáo trạng mà hắn đã đưa ra” (10, tr.10-11). Bằng những lời lẽ đanh thép, logic chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo của một nhà ngụ biện, Socrates đã tranh luận tay đôi với đoàn bồi thẩm. Tuy nhiên, một mình ông không thể thắng họ. Ông bị tòa án kết tội chết bằng hình thức bức tử, một cách chết nhẹ nhàng và cao thượng dành cho những người quý phái lúc bấy giờ. Dâng chén rượu trong đó có pha độc được.

Khi bị giam trong khám tử tù, bạn bè đã khuyên Socrates nên trốn và tạo hết mọi cơ hội cho ông vượt ngục. Họ lý giải rằng, ông đang có vợ dại, con thơ, ông là người cần thiết cho giới trẻ. Nhưng ông quyết không nghe theo lời khuyên đó mà ở lại để đối mặt với cái chết, bởi 1) Ông tin rằng sự trốn chạy là biểu hiện của sự sợ hãi cái chết, mà theo ông, không triết gia nào lại làm như thế. 2) Nếu ông trốn khỏi Athens thì sự dạy dỗ của ông không thể ổn thỏa hơn ở bất cứ nơi nào khác như ông đã từng truy vấn mọi người ông gặp và không phải chịu trách nhiệm về sự không vừa ý họ. 3) Bằng sự chấp thuận sống trong khuôn khổ luật thành bang, ông hoàn toàn khuất phục chính bản thân để có thể bị tố cáo bởi các công dân khác và bị

tòa án của nó phán là có tội - điều này hoàn toàn phù hợp với *nguyên tắc Socrates* là sống thật thà, trung thực, tôn trọng pháp luật và chân lý cho đến phút chót cuộc đời.

Những lời biện hộ cuối cùng của Socrates được ghi nhận trong *Apology* của Plato - nhân chứng sống hay người có mặt tại phiên tòa chỉ rõ sự dối trá của những kẻ buộc tội ông: “Thưa các công dân Athens, tôi không biết quý vị đã bị ảnh hưởng thế nào bởi các người tố cáo tôi; nhưng tôi biết rằng họ hầu như muốn làm cho tôi quên đi mình là ai - họ nói một cách quá thuyết phục, nhưng họ chẳng nói được một lời sự thật. Thế nhưng trong số rất nhiều lời dối trá họ nói ra, có một lời làm tôi sửng sốt, đó là khi họ nói quý vị phải đề cao cảnh giác và đừng để mình bị lừa dối bởi sức mạnh sự hùng biện của tôi - chính là sức mạnh của sự thật. Khi họ nói rằng Socrates, một con người khôn ngoan, là người truy tìm trời cao và đất sâu, và có tài thay trắng đổi đen. Những con người gieo rắc các câu chuyện như thế là những kẻ vu khống mà tôi rất sợ. Tôi xin tóm tắt lời họ như sau: *Socrates là một kẻ làm điều ác, một con người kỳ lạ, truy tìm những sự vật dưới đất và trên trời, và giỏi thay trắng đổi đen; và hắn đã dạy những điều đó cho người khác*” (8, tr.22-24). Socrates buộc tội những kẻ vu cáo ông như Meletus, Anytus, Lycon, cho bọn họ là những người vô liêm sỉ. Ông cho rằng, bản thân ông là sứ giả hòa bình, là món quà mà thượng đế tặng cho đất nước Hy Lạp, người có sứ mạng lịch sử kích thích, thuyết phục, sửa lỗi cho mọi người. Ông không có tội tình gì ngoài việc suốt đời bỏ qua lợi ích riêng tư để truy tìm một người khôn ngoan hơn nhằm bác bỏ lời sấm.

Khi người ta dâng chén thuốc độc cho Socrates, ông đã hài hước hỏi có cần phải chia phần dâng thần linh không? Câu trả lời không kém phần trào lộng là thuốc độc chỉ pha đủ cho mình ông thôi. Ông trầm tĩnh trước cái chết đến nỗi có người cho rằng, không phải thuốc độc được dâng lên cho Socrates mà chính Socrates đã tự dâng mình cho thuốc độc (xem thêm: 8, tr.42). Sau khi uống độc được, ông vẫn được người hầu dẫn đi dạo cho đến khi bước chân trở nên nặng nề và gục xuống. Thấy vậy, người quản lý độc được véo thử vào chân, Socrates không còn cảm giác gì ở chân nữa. Sự tê liệt dần dần lan khắp cơ thể cho đến khi độc được chạy vào tim. Trước khi tắt thở, Socrates vẫn không quên trăng trối với người bạn bằng những lời hài hước: “Crito, tôi còn mắc nợ Asclepius một con gà trống, anh làm ơn trả giùm tôi được không?”^(*). Plato đã xúc động viết những dòng cuối: “Đó là kết cục của người bạn chúng ta, một con người tốt nhất, khôn ngoan nhất và chính trực nhất giữa những con người thời đại ông mà tôi được biết” (8, tr.43) - đây có lẽ là lời bình phẩm ngắn gọn nhưng đầy đủ và khách quan nhất về nhân vật huyền thoại triết học này.

3. Biện chứng pháp hay nghệ thuật tranh biện Socrates

Để thực hiện lời nguyện với thần linh là tìm ra một người khôn ngoan hơn mình, Socrates thực hiện cuộc hành trình gặp gỡ đủ mọi loại người để chất vấn. Việc chất vấn đối với ông không nhằm mục đích giáo huấn, khoe khoang tri thức mà chủ yếu là để khơi dậy nơi họ những tri thức tiềm ẩn. Do vậy, ông

xây dựng một phương pháp đối thoại tích cực, hay phương pháp truy vấn, vấn hỏi, qua đó giúp mọi người tránh sự ngộ nhận (cho mình là người khôn ngoan nhất), vượt qua mọi sai lầm, định kiến cá nhân để xác định đúng bản chất của sự vật, rồi sau đó đi đến những việc làm đúng đắn hay điều thiện - một phương pháp đối thoại như vậy người đời sau gọi là biện chứng pháp Socrates (Socrates dialectics), phương pháp đó được tiến hành bằng một thứ văn phong hài hước thông qua bốn bước cơ bản:

Bước thứ nhất mang tính “mĩa mai” (Ironie), trào lộng hay phản chứng. Theo Socrates, trong đối thoại (dialogues), trước hết, người đối thoại phải biết hay cần phải tạo nên “tình huống có vấn đề”, tức là cần đặt lại đối với những vấn đề tưởng chừng như đã rõ ràng từ trước. Tiếp đến là cần lập luận để dồn đối phương vào thế tự mâu thuẫn với chính mình, từ đó bản thân người bị chất vấn tự nhận ra sai lầm của mình và công nhận ý kiến của người chất vấn là đúng. Để thực hiện được mục đích này thì chủ thể thực hiện đối thoại phải biết “mĩa mai” hay châm biếm, chọc tức đối phương.

Bước thứ hai cần thực hiện là chủ thể đối thoại phải biết “đỡ đỡ” cho đối phương, nghĩa là giúp họ “đỡ” ra chân lý. Thuật ngữ “đỡ đỡ” (majeutique) lấy nguyên nghĩa đen của ngành y, tức hành động giúp cho người phụ nữ thai nghén sinh nở được dễ dàng. Socrates dùng thuật ngữ này với nghĩa bóng, theo đó trách nhiệm của người chất vấn là giúp người bị chất vấn tìm ra lối thoát để đưa họ đến chân lý hay “đỡ” ra suy tư mà họ đã thai nghén trong lòng nhằm tạo lập tri thức mới. Nếu không như vậy thì chắc hẳn mọi tri thức chỉ là tri thức tiềm ẩn trong đầu mà không

^(*) Asclepius là thần chữa bệnh của người Hy Lạp. Những lời cuối cùng của Socrates hàm nghĩa: Cái chết là cách chữa bệnh duy nhất, tự do chân chính là việc linh hồn thoát ra khỏi thể xác.

thoát ra được bên ngoài để trở thành chân lý hay tri thức phổ quát.

Bước thứ ba có tính “quy nạp” (induction), tức chủ thể đối thoại cần phải đi từ việc phân tích các sự vật, hiện tượng đơn lẻ đến việc khái quát thành tri thức chung và nắm bắt bản chất vấn đề tranh luận. Socrates tìm kiếm ý niệm *công bằng* qua các hành vi gọi là công bằng, ý niệm *đẹp* qua các sự vật được gọi là đẹp, ý niệm *thiện* qua những việc làm mà con người cho là tốt lành. Theo Socrates, những cái riêng như bông hoa có thể héo tàn, nhưng *cái đẹp* mà những bông hoa đó đại diện thì còn mãi với thời gian trong tâm thức loài người.

Bước thứ tư, khi đã có tri thức chung, chủ thể cần đi đến sự “định nghĩa” (definition), tức kết luận vấn đề một cách xác thực, nắm bắt bản chất các sự vật như chúng vốn có trong thực tế, xác định đúng bản chất của đối tượng nghiên cứu, đến đây vấn đề có thể kết luận, cuộc tranh luận kết thúc. Theo Socrates, định nghĩa là quá trình theo đó trí óc có thể phân biệt hoặc xếp hạng hai đối tượng tư duy: cái cụ thể cảm tính (bông hoa đẹp đang đặt trên bàn) và cái chung phổ quát (ý niệm đẹp mà trong đó bao hàm cả cái đẹp của bông hoa đang đặt trên bàn). Do vậy, không thể đồng nhất cái đẹp cụ thể với ý niệm đẹp nói chung. Qua khả năng định nghĩa, Socrates cho thấy, tri thức đích thực không phải là sự tra xét các sự vật, hiện tượng đơn lẻ mà là sự khám phá cái chung ẩn dấu trong chúng, cái chung đó mang tính vĩnh hằng, nó vẫn tồn tại mặc dầu các sự vật hiện tượng đơn lẻ có thể mất đi, ví như cái đẹp vẫn còn sau khi bông hoa héo.

Biện chứng pháp hay phương pháp truy vấn Socrates đúng như lời nhận

định của Bryan Magee “đã làm cho ông trong chừng mực nào đó, trở thành người nổi tiếng nhất trong tất cả các triết gia, ông đã tiến hành truy hỏi không ngừng về những khái niệm nền tảng của chúng ta” (7, tr.26). Biện chứng pháp đó đòi hỏi chúng ta muốn hành động đúng trước hết phải nhận thức đúng. Mà muốn nhận thức đúng phải biết thiết định nội hàm hay định nghĩa khái niệm. Muốn có một định nghĩa khái niệm đúng thì không còn cách nào ngoài sự tranh luận. Và khi con người đã được trang bị một hệ thống các khái niệm chuẩn xác, tức tri thức đúng về đối tượng thì chắc chắn nó sẽ có những việc làm thiện - đó là cơ sở để thiết lập một khoa học về hành vi con người - Đạo đức học (Ethics).

4. Nhân học hay lý luận về con người của Socrates

Trước Socrates, các triết gia Hy Lạp cổ đại chủ yếu quan tâm đến những vấn đề về vũ trụ luận, giải thích sự hình thành và phát triển của thế giới dựa trên những kiến thức khoa học tự nhiên như vật lý, toán học, sinh học, v.v... Không đi theo lối mòn bản thể luận triết học của các bậc tiền bối. Với luận đề nổi tiếng: “Con người, hãy tự nhận thức chính mình”, Socrates quyết định lựa chọn một con đường riêng, ông chú ý tới vấn đề con người, mà trọng tâm trong bản tính con người là đạo đức. Theo Socrates, triết học không phải là hiện tượng tư biện, chỉ luận bàn những vấn đề chung không liên quan gì đến cuộc sống thường nhật, trái lại, nó là phương tiện dạy con người cách sống hay cần phải sống như thế nào. Theo nghĩa đó, triết học trước hết phải là tri thức hay sự hiểu biết của con người về con người, tri thức ấy nhất thiết phải là tri thức về cái thiện. Nếu đạo đức là hành vi đối

nhân xử thế đẹp thì đạo đức đó không là gì khác ngoài tri thức, do vậy, “tri thức là đức hạnh”.

Thước đo của đạo đức là thước đo hành vi giao tiếp giữa con người với sự thông thái của thần linh. Sự thông thái chính là sự hiểu biết, là tri thức. Tri thức có tính chất thần linh và chỉ có tri thức mới có khả năng nâng con người ngang tầm thần thánh. Đạo đức với những biểu hiện của nó như lương tri, lòng dũng cảm, sự ngoan đạo, công bằng đều là những biểu hiện khác nhau của tri thức, giúp con người lựa chọn điều lành, tránh điều dữ. Cái ác phản ánh sự thiếu vắng tri thức, nó nảy sinh là do sự dốt nát, thiếu hiểu biết, vì không một ai khi biết thế nào là tốt mà lại cố tình làm điều xấu. Do vậy, làm điều xấu là một hành vi vô tình chứ không phải cố ý. Tuy nhiên, trong thực tế, nhận thức thông thường mách bảo rằng, chúng ta thường chiều theo những hành vi biết là sai, do vậy làm sai lại là một hành vi dường như có vẻ cố tình.

Với phương châm: “Điều thật sự quan trọng không phải là sống mà là sống tốt” (9, tr.149), Socrates cho rằng, dưới sự dẫn dắt của lý trí thì sức khỏe, sắc đẹp, của cải, lòng dũng cảm, sự hào phóng, tính quyết đoán, v.v... được sử dụng vì mục đích tốt đẹp. Trong trường hợp ngược lại, tai họa sẽ thế chỗ cho lợi ích. Chẳng hạn, dũng cảm mà thiếu trí khôn sẽ trở nên liều mạng, sắc đẹp đặt không đúng chỗ sẽ trở nên lơ lửng, kịch cỡm, hào phóng thiếu sự cân nhắc sẽ trở nên hoang phí. Điều thiện và điều lợi phải được thống nhất với lý trí, tức mọi hành vi đạo đức phải hợp thời, hợp thế, hợp lý, hợp tình. Trên cơ sở quan niệm này, Socrates đã lên án hành vi tố cáo

cha mình của Euthyphro, cho rằng đó là việc làm vô đạo (xem: 8, tr.12-22).

Theo Socrates, tri thức và đức hạnh là những điều cần thiết cho những kẻ làm chính trị. Người làm chính trị phải đặt trách nhiệm xã hội lên vị trí hàng đầu chứ không trông cậy vào ô dù, nương nhờ quyền lực và thời vận. “Nghĩ rằng, mình quá thật thà không thể làm nhà chính trị đầy nguy hiểm” (8, tr.31), do vậy ông lựa chọn con đường thuyết pháp giống như Đức Phật Thích Ca và Đức Khổng Tử ở phương Đông, mong mỗi phần nào giáo hóa thiên hạ, giúp họ thoát khỏi bể khổ trầm luân của thế giới vật dục. Theo Socrates, để có tri thức, con người cần phải có học, học ở trường và học ngoài đời. Hãy bắt đầu từ không biết, trải qua nhiều bước, tiến tới tri thức và cái thiện phổ quát. Mệnh đề: “Tôi biết rằng, tôi không biết gì cả” của ông không phải là một mệnh đề mang tính tương đối hay hư vô chủ nghĩa mà nhằm chỉ ra sự khởi đầu của một phương pháp tiếp cận chân lý. Bởi vì, theo lẽ thường tình, mọi sự hiểu biết đều khởi đầu từ không biết, nhận thức là quá trình tiếp cận chân lý giống như đường thẳng (thực tại khách quan) và đường tiệm cận (nhận thức).

Lối sống giản dị, khiêm tốn và cách đối nhân xử thế hợp tình hợp lý của Socrates là một tấm gương lớn về đạo đức. Suốt đời ông không lo việc kiếm tiền, mua sắm của cải, mà chỉ đi thuyết pháp về điều thiện, mong ước cảm hóa được mọi người, giúp họ có một cuộc sống nhẹ nhàng thanh thản, không mưu toan, tính toán thiệt hơn - điều này chúng ta có thể cảm nhận trong lời ông tự bạch: “Hỡi loài người, kẻ khôn ngoan nhất là kẻ, giống như Socrates, biết rằng sự khôn ngoan của mình thực sự

chẳng có giá trị gì. Và vì thế tôi đi khắp thế giới, vâng lời thần, và tìm kiếm và truy tìm sự khôn ngoan của bất cứ ai, dù là đồng bào hay người nước ngoài, mà có vẻ khôn ngoan, và nếu người ấy không khôn ngoan, thì tôi dùng lời sấm để nói rằng người ấy không khôn ngoan; và tôi lại thu hút vào công việc của mình, nên không có thời giờ quan tâm đến các vấn đề công cộng hay vấn đề riêng tư của mình, tôi hoàn toàn nghèo khó vì phụng sự thượng đế” (8, tr.26).

5. Kết luận

Triết học Socrates không có một mục đích nào khác ngoài việc hướng tới con người với những suy tư, trăn trở đời thường. Ông thực sự “là một trong số những khuôn mặt nổi bật nhất nhưng cũng bí ẩn nhất trong lịch sử triết học” (11, tr.1062) vì “đã vạch ra hướng đi cho triết học đạo đức trong lịch sử văn minh phương Tây. Tư tưởng của ông đã được Plato, Aristotle và các nhà thần học Kitô giáo sửa đổi, nhưng nó luôn là truyền thống trí tuệ và đạo đức trội vượt mà các biến thể khác được khai triển xoay quanh” (8, tr.42).

Lịch sử Hy Lạp đã trải qua gần ba thiên niên kỷ kể từ ngày Socrates tạ thế, người Hy Lạp chứng kiến những bước thăng trầm, nhiều triết gia xuất hiện sau Socrates, họ đã đạt được những thành tựu thật to lớn. Nhưng xét về phương diện vai trò lịch sử, không một ai trong số họ có thể ngang tầm Socrates. Không hèn mà gặp, luận đề: “Con người hãy tự nhận thức chính mình” của ông có nghĩa gần với luận đề: “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân” trong triết lý phương Đông. Triết lý Socrates không mang tính hàn lâm, tư biện mà thật gần gũi với cuộc sống đời thường. Phương pháp Socrates không mang tính

cao siêu, học thuật mà hiện diện trong các cuộc tranh luận trên đường phố, trong nghị trường và giảng đường đại học. Theo một nghĩa nào đó có thể nói sự xuất hiện của ông như sự hóa thân hay đầu thai trở lại của Đức Phật Thích Ca và Đức Khổng Tử, làm cho hai nền văn hóa Đông - Tây giao thoa, hội tụ trong những nét tương đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. N. Charnutsep. Tập bài giảng về triết học cổ đại. M.: 1981.
2. V. Ph. Asmus. Triết học cổ đại. M.: 1978.
3. Komorova. Sự hình thành chủ nghĩa duy vật trong triết học Hy Lạp cổ đại. Leningrad: 1975.
4. V. C. Nerxecians. Socrates. M.: 1984.
5. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn. Đại cương lịch sử triết học phương Tây. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2005.
6. Samuel Enoch Stumpf. Lịch sử triết học và các luận đề. H.: Lao động, 2004.
7. Bryan Magee. Câu chuyện triết học. H.: Thống kê, 2003.
8. Forrest E. Baird. Tuyển tập danh tác triết học, từ Plato đến Derrida. H.: Văn hóa thông tin, 2006.
9. Plato. Những ngày cuối đời của Socrates. H.: Văn hóa thông tin, 2008.
10. Samuel Enoch Stumpf, Donald C. Abel. Nhập môn triết học phương Tây. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004.
11. Ted Honderich. Hành trình cùng triết học. H.: Văn hóa thông tin. 2002.
12. Đinh Ngọc Thạch. Triết học Hy Lạp. H.: Chính trị quốc gia, 1999.